

Số: 47/2016/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 12 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ
trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT ngày 01 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 05 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 46/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 49/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2192/TTr-STNMT ngày 21/6/2016 và Báo cáo thẩm định số 860/BC-STP ngày 21/6/2016 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, gồm 04 chương 34 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 15/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về ban hành Quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Đo đạc bản đồ Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- HĐND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo Ninh Thuận;
- Công TTĐT tỉnh;
- VPUB: CVP, QHXD, các Phòng Khố NCTH;
- Lưu: VT. KHH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vĩnh

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận
(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc thống nhất công tác quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.
2. Cơ quan quản lý Nhà nước về đo đạc và bản đồ, các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.
3. Các hoạt động đo đạc và bản đồ không quy định tại quy định này, thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Hệ quy chiếu và hệ tọa độ

1. Khi xây dựng hệ thống điểm đo đạc cơ sở, hệ thống các loại bản đồ, hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được quy định tại Điều 7 của Quy định này phải được thiết lập trên hệ quy chiếu và hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$.
2. Những công trình đo đạc và bản đồ đã hoàn thành ở hệ quy chiếu và hệ tọa độ HN-72 hoặc hệ tọa độ, độ cao chuyên ngành khác trước khi sử dụng phải chuyển kết quả sang hệ quy chiếu và hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Hoạt động đo đạc và bản đồ phải bảo đảm cung cấp dữ liệu địa lý phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nâng cao dân trí và thúc đẩy tiến bộ xã hội.
2. Công trình xây dựng đo đạc là tài sản của Nhà nước, phải được sử dụng và bảo vệ theo quy định của pháp luật.
3. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản phải được cập nhật thường xuyên và kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
4. Việc thành lập các sản phẩm bản đồ chuyên ngành, cơ sở dữ liệu địa lý chuyên ngành phải sử dụng các lớp thông tin nền của bản đồ địa hình quốc gia, cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia.

5. Tổ chức, cá nhân được sử dụng các sản phẩm đo đạc và bản đồ và thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Được sử dụng các sản phẩm đo đạc và bản đồ, thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ thuộc quyền sở hữu của Nhà nước vào sản phẩm của mình theo quy định của pháp luật.

2. Có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

3. Không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ.

4. Nhà nước khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

5. Nghiêm cấm các hoạt động đo đạc và bản đồ gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

6. Các tổ chức, cá nhân có giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi thực hiện hoạt động trên địa bàn tỉnh phải thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và ủy ban nhân dân cấp xã những nội dung thực hiện.

Chương II

HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 5. Quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ

Tổ chức, đơn vị đo đạc và bản đồ chỉ được nhận thầu thực hiện những công trình tương ứng với danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp phép, phải thi công đúng dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và dự toán hoặc phương án thi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện đúng quy phạm, quy trình đo đạc bản đồ và hợp đồng được ký kết; phải chịu sự giám sát và kiểm tra chất lượng của chủ đầu tư, của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ.

Điều 6. Danh mục các hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ phải có giấy phép

1. Khảo sát, lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ.

2. Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

3. Xây dựng lưới trọng lực, thiên văn, tọa độ, độ cao.

4. Chụp ảnh, quét địa hình từ máy bay.

5. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình.

6. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình đáy biển.

7. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính.

8. Thành lập bản đồ hành chính.

9. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa giới hành chính.
10. Xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ.
11. Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý.
12. Thành lập bản đồ chuyên đề; át-lát địa lý.
13. Khảo sát địa hình; đo đạc công trình.
14. Kiểm định các thiết bị đo đạc.

Điều 7. Hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh

1. Các hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ riêng cho yêu cầu quản lý của từng ngành hoặc từng địa phương, bao gồm:
 - a) Thiết lập hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng;
 - b) Xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng;
 - c) Thành lập hệ thống bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính, thành lập bản đồ hành chính cấp huyện;
 - d) Thành lập bản đồ địa hình, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng;
 - đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên dụng;
 - e) Khảo sát địa hình, đo đạc phục vụ thiết kế, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
2. Các hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành quy định tại các Điểm a, b, d, đ và e Khoản 1 Điều này phục vụ riêng cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân.
3. Đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính.
4. Ngoài các hoạt động đo đạc và bản đồ quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9 và 10 Điều 5 và Điều 7 Nghị định 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.
5. Bản đồ phải ghi rõ cơ sở pháp lý, cơ sở toán học, nguồn gốc xuất xứ, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận mới được lưu hành sử dụng. Trường hợp xuất bản phải có giấy phép theo quy định của Luật Xuất bản. Các loại bản đồ không có giấy phép xuất bản hoặc chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, không được sử dụng để giải quyết những công việc mang tính pháp lý, không được treo tại nơi công sở và văn phòng.
6. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở và hệ thống các loại bản đồ trên địa bàn tỉnh được quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được thiết lập trên hệ quy chiếu và hệ tọa độ VN-2000 với kinh tuyến trục $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3° đối với loại tỷ lệ bản đồ không nhỏ hơn tỷ lệ 1/10.000.

Điều 8. Kinh phí thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Kinh phí thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý của từng ngành hoặc từng địa phương do ngân sách nhà nước bảo đảm.
2. Kinh phí hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành phục vụ cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm.

Điều 9. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Các tổ chức khi hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ quy định tại Điều 6 Quy định này phải có giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

2. Các tổ chức có nhu cầu hoạt động đo đạc và bản đồ có đủ điều kiện chuyên môn, kỹ thuật về đo đạc và bản đồ đều được thẩm định năng lực để cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc bản đồ (gọi tắt là Nghị định số 45/2015/NĐ-CP); thủ tục cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP; bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP; gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP; cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP.

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

3. Không được cho mượn, cho thuê giấy phép.

4. Báo cáo bằng văn bản với Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam khi thay đổi kỹ thuật trường hoặc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đối với các tổ chức quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 và phải đồng thời báo cáo với Sở Tài nguyên và Môi trường nơi tổ chức đóng trụ sở chính.

Điều 11. Trách nhiệm bảo đảm chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Chịu trách nhiệm toàn bộ về khối lượng và chất lượng các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được giao thực hiện bằng ngân sách nhà nước.

b) Tổ chức lập hoặc thuê tư vấn lập Thiết kế kỹ thuật – dự toán hoặc Dự toán và tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với định mức, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật theo quy định hiện hành.

c) Trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Thiết kế kỹ thuật – dự toán hoặc Dự toán và tiêu chuẩn kỹ thuật theo đúng quy định hiện hành.

d) Lựa chọn tổ chức có đủ tư cách pháp nhân, có giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ phù hợp với nội dung của Thiết kế kỹ thuật – dự toán hoặc Dự toán và tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện các nội dung về đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

e) Chỉ nghiệm thu các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ đã được đơn vị tư vấn kiểm tra, xác nhận đạt yêu cầu chất lượng. Đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ đã nghiệm thu.

2. Trách nhiệm của đơn vị tư vấn kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

a) Các đơn vị tư vấn được cấp giấy phép kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được chủ đầu tư thuê để thực hiện công tác kiểm tra khối lượng, chất lượng sản phẩm đo đạc bản đồ phải có trách nhiệm kiểm tra sản phẩm theo quy định tại Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT ngày 01/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ đã kiểm tra, thẩm định.

3. Trách nhiệm của đơn vị thi công sản phẩm đo đạc và bản đồ

a) Chỉ được thực hiện các hợp đồng đo đạc và bản đồ phù hợp với nội dung được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, đảm bảo đúng yêu cầu kinh tế - kỹ thuật được quy định trong Thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc Dự toán và tiêu chuẩn kỹ thuật.

b) Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ do đơn vị thực hiện.

4. Cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin, tư liệu phục vụ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ có trách nhiệm cung cấp đúng, đủ và kịp thời các thông tin, tư liệu do mình đang quản lý.

Điều 12. Thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - Dự toán công trình

1. Công trình đo đạc và bản đồ sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước:

Đối với Thiết kế kỹ thuật - Dự toán đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ cho công tác quản lý nhà nước tại địa phương, Chủ đầu tư lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán công trình, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định về sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc bản đồ, gửi Sở Tài chính để thẩm định dự toán kinh phí. Căn cứ kết quả thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính chủ đầu tư trình cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán công trình làm cơ sở để thực hiện theo đúng quy định;

Đối với các phương án đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, trích đo địa chính phục vụ cho công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình, dự án, Chủ đầu tư lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán công trình, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định kỹ thuật, và dự toán kinh phí theo định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành;

2. Công trình đo đạc và bản đồ không sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước:

Chủ đầu tư lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập phương án thi công công trình, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phân giải pháp kỹ thuật, chủ đầu tư tự thẩm định nội dung dự toán. Căn cứ kết quả thẩm định chủ đầu tư tổ chức phê duyệt phương án thi công công trình làm cơ sở thực hiện theo đúng quy định.

Điều 13. Kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ

1. Sở Tài nguyên và Môi trường Ninh Thuận là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác kiểm tra tiến độ thi công, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải chịu trách nhiệm về chất lượng phần công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ do mình thực hiện.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ và chịu trách nhiệm toàn bộ về chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

Chủ đầu tư sử dụng cơ quan chuyên môn, thuê tổ chức có chức năng tư vấn về đo đạc và bản đồ, thuê chuyên gia để kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm.

4. Tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có nội dung kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thì được thực hiện kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo đề nghị của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước chủ đầu tư về kết quả kiểm tra.

Cá nhân thực hiện kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải đáp ứng về năng lực chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp theo yêu cầu của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước chủ đầu tư về kết quả kiểm tra.

Điều 14. Hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình đo đạc và bản đồ

1. Quy định về hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu:

a) Quyết định phê duyệt Dự án (nếu có); Quyết định phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán; văn bản giao nhiệm vụ của cơ quan quyết định đầu tư (nếu có).

b) Hợp đồng thi công hoặc văn bản giao nhiệm vụ thi công;

c) Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công;

d) Báo cáo kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm của đơn vị thi công;

đ) Biên bản kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm.

e) Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm của cơ quan kiểm tra (nếu có);

g) Báo cáo của đơn vị thi công về việc sửa chữa sai sót theo yêu cầu của chủ đầu tư (nếu có) và văn bản xác nhận sửa chữa sản phẩm của chủ đầu tư (nếu có);

h) Báo cáo về khối lượng phát sinh, những vướng mắc đã giải quyết so với Dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán và văn bản chấp thuận những phát sinh, giải quyết vướng mắc đó của cấp có thẩm quyền;

i) Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng sản phẩm công đoạn hoặc toàn bộ công trình;

k) Báo cáo giám sát thi công, quản lý chất lượng công trình, sản phẩm;

l) Bản xác nhận chất lượng, khối lượng đã hoàn thành công trình, sản phẩm.

2. Quy định về hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu đối với các phương án trích đo địa chính, chỉnh lý bản đồ phục vụ bồi thường giải phóng mặt bằng, hồ sơ cơ bản cần có:

a) Công văn đề nghị chủ đầu tư nghiệm thu công trình, sản phẩm.

b) Báo cáo tổng kết kỹ thuật;

c) Báo cáo về những phát sinh, vướng mắc về công nghệ; về định mức kinh tế - kỹ thuật; về khối lượng và những vấn đề khác (nếu có) so với hợp đồng hoặc dự án. Thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt và văn bản có thẩm quyền;

d) Báo cáo của đơn vị thi công về việc sửa chữa sai sót (nếu có);

đ) Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm (Kèm theo các phiếu ghi ý kiến kiểm tra);

e) Thông báo niêm yết công khai, biên bản xác nhận việc công khai và biên bản kết thúc thời gian công khai bản đồ địa chính.

Điều 15. Bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc

1. Công trình xây dựng đo đạc là tài sản của Nhà nước, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn và giáo dục mọi công dân ý thức bảo vệ các công trình.

2. Mọi tổ chức, cá nhân không được sử dụng các công trình xây dựng đo đạc nếu không được sự chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường. Khi được chấp thuận trong quá trình sử dụng phải giữ gìn, bảo vệ dấu mốc đo đạc, không làm hư hỏng hoặc ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc.

Chương III

THÔNG TIN, DỮ LIỆU ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 16. Trách nhiệm về quản lý, sử dụng các tài liệu đo đạc và bản đồ

1. Các Sở chuyên ngành, chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài liệu đo đạc và bản đồ do mình làm chủ đầu tư hoặc được tiếp nhận và lưu trữ.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm quản lý, sử dụng các tài liệu về ảnh hàng không, lưới tọa độ, dữ liệu nền thông tin địa lý, độ cao các cấp, bản đồ nền địa hình các loại tỷ lệ, bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa, bản

đồ hành chính và các loại bản đồ chuyên đề. Có trách nhiệm tổ chức cung cấp các loại bản đồ ở dạng số và dạng giấy (thuộc thẩm quyền theo quy định), trích lục bản đồ và các tài liệu kèm theo.

3. Phòng Tài nguyên Môi trường có trách nhiệm quản lý bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã và các loại bản đồ chuyên đề.

4. Cán bộ địa chính cấp xã có trách nhiệm quản lý, sử dụng bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã và các loại bản đồ chuyên đề.

Điều 17. Bảo mật thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Danh mục bí mật nhà nước độ tối mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thực hiện theo quyết định số 21/2013/QĐ-TTg ngày 24/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục bí mật nhà nước độ tối mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

2. Danh mục bí mật nhà nước độ mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thực hiện theo Thông tư số 29/2013/TT-BCA ngày 10/5/2013 của Bộ Công an quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Điều 18. Thành lập, xuất bản và phát hành sản phẩm bản đồ

1. Việc thành lập, xuất bản và phát hành sản phẩm bản đồ được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc bản đồ;

2. Việc thành lập các loại sản phẩm bản đồ chuyên đề phải dựa vào các lớp thông tin nền lấy từ hệ thống bản đồ nền, bản đồ địa hình quốc gia, bản đồ hành chính do cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ thành lập, trong trường hợp cần sử dụng thông tin nền khác phải được sự đồng ý của Sở Tài nguyên và Môi trường Ninh Thuận.

Điều 19. Quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Việc quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ;

2. Sau khi hoàn thành thực hiện công trình đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, đơn vị đo đạc bản đồ phải nộp 01 (một) bộ tài liệu, sản phẩm gốc (dạng giấy và dạng số) cho Sở Tài nguyên và Môi trường để lưu trữ theo quy định hiện hành.

3. Trung tâm Công nghệ Thông tin tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận có trách nhiệm cung cấp thông tin tư liệu về hệ thống điểm đo đạc cơ sở; hệ thống bản đồ địa hình, bản đồ hành chính, bản đồ địa chính cơ sở, các loại bản đồ chuyên đề khác; cơ sở

thông tin địa lý và hệ thống thông tin địa lý phục vụ cho mục đích chuyên dùng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 20. Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các Quy định của pháp luật về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh; thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án đầu tư đo đạc và bản đồ thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước.

2. Chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành liên quan xây dựng kế hoạch hàng năm, kế hoạch dài hạn các dự án về đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện, đảm bảo không chồng chéo với kế hoạch, dự án của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ và của các Bộ, ngành khác.

3. Thẩm định năng lực hoạt động đo đạc và bản đồ của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh, đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

4. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật đo đạc và bản đồ của các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh; phát hiện các vi phạm, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ trên địa bàn tỉnh và kiến nghị với cơ quan quản lý về xuất bản đình chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về địa giới hành chính, địa danh thuộc địa phương; ấn phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật; ấn phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định của Luật Xuất bản.

6. Kiểm tra, xác nhận về mặt pháp lý của hồ sơ kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính, đo đạc và bản đồ địa hình, thành lập các bản đồ chuyên đề.

7. Quản lý, bảo vệ các dấu mốc đo đạc, các tài liệu, số liệu về hệ thống tọa độ và độ cao thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc theo phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

8. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc thành lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp và tiến hành kiểm tra, nghiệm thu các tài liệu, hồ sơ địa giới hành chính.

9. Xác nhận chất lượng, khối lượng đã hoàn thành công trình, sản phẩm trích đo địa chính khu đất phục vụ công tác thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

10. Giải quyết hoặc thông báo cho Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, các Sở chuyên ngành khác của tỉnh có quản lý dấu mốc đo đạc cơ sở chuyên dụng của ngành trong trường hợp công trình xây dựng trên thửa đất làm ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc đề quyết định hủy bỏ, gia cố hoặc di dời.

11. Bàn giao cho tổ chức được giao đất, thuê đất về các dấu mốc đo đạc đã có trên thửa đất để trực tiếp bảo vệ và ghi vào biên bản bàn giao khi giao đất tại thực địa.

12. Giải quyết hoặc báo cáo cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc Trung ương theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 49/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc trong trường hợp công trình xây dựng đo đạc phải hủy bỏ, gia cố hoặc di dời.

13. Khi triển khai thực hiện xây dựng các công trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, đánh giá tác động của công trình, dự án đến công tác quản lý, sử dụng và bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc có trong khu vực;

b) Lập phương án kỹ thuật - dự toán và thực hiện việc di dời, khôi phục các dấu mốc đo đạc bị phá hủy do xây dựng công trình, dự án. Trường hợp di dời, khôi phục dấu mốc điểm đo đạc cơ sở quốc gia, phương án kỹ thuật - dự toán phải được Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam thẩm định. Kinh phí di dời, khôi phục các dấu mốc đo đạc do chủ đầu tư công trình, dự án chi trả.

14. Hàng năm thống kê, cập nhật về tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ hiện trạng sử dụng công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.

Điều 21. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh

Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc quản lý hoạt động đo đạc bản đồ theo đúng quy định.

Điều 22. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm:

Chỉ đạo cơ quan Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Theo dõi, giám sát những hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn theo đúng quy định.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý theo thẩm quyền những hành vi xâm hại đến các công trình xây dựng đo đạc, những hoạt động đo đạc và bản đồ trái với quy định.

3. Tham gia, phối hợp trong việc kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm đo đạc bản đồ.

4. Phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện chỉnh lý bản đồ địa chính đối với dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản

lý đất đai hoặc đã có bản đồ địa chính dạng số để phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và chỉnh lý hồ sơ địa chính sau này.

5. Thực hiện lưu trữ hồ sơ theo quy định để phục vụ công tác quản lý, cập nhật, chỉnh lý kịp thời.

6. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch hàng năm về dự án về đo đạc và bản đồ của địa phương mình và triển khai thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Quản lý, bảo vệ và ngăn chặn các hành vi xâm hại các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn xã; cập nhật các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn xã, bổ sung phần ghi chú của sổ địa chính về dấu mốc đo đạc trên thửa đất.

2. Thường xuyên kiểm tra, khi phát hiện thấy các dấu mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại thì trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc phải báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện về hiện trạng và nguyên nhân xâm hại dấu mốc đo đạc.

3. Đối với trường hợp phải di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc, trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình về việc xin di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện để giải quyết.

4. Thống kê, cập nhật hiện trạng các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn xã và báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện trước ngày 10 tháng 12 hằng năm. Báo cáo lập theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BTNMT ngày 30/10/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ.

5. Theo dõi các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn mình quản lý, nếu phát hiện đơn vị thi công đo đạc đang thi công trên địa bàn mà không có thông báo thì tiến hành lập biên bản và báo cáo cơ quan Tài nguyên và môi trường cấp huyện để xử lý theo quy định.

6. Có trách nhiệm phối hợp với đơn vị thi công đo đạc khi có yêu cầu và cử cán bộ công chức địa chính cấp xã, cán bộ thôn, tổ dân phố để được hỗ trợ, hướng dẫn việc xác định hiện trạng, ranh giới sử dụng đất.

7. Có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư, đơn vị thi công đo đạc trong việc triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm, ký xác nhận hiện trạng sử dụng đất, xác nhận tình trạng pháp lý sử dụng đất trên địa bàn mình quản lý.

8. Thực hiện việc cập nhật lưu trữ hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 24. Trách nhiệm của Phòng Tài nguyên và Môi trường

1. Bàn giao cho người được giao đất, thuê đất về các dấu mốc đo đạc đã có trên thửa đất để trực tiếp bảo vệ và ghi vào biên bản bàn giao khi giao đất tại thực địa.

2. Kiểm tra, xem xét hiện trường và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình trạng dấu mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại, dấu mốc đo đạc phải di dời hoặc hủy bỏ trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Thống kê, cập nhật hiện trạng các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn huyện và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hằng năm. Báo cáo lập theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BTNMT ngày 30/10/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về chế độ báo cáo trong đo đạc và bản.

Điều 25. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Lựa chọn, ký kết hợp đồng với đơn vị thi công đo đạc phải có Giấy phép về hoạt động đo đạc và bản đồ mà trong đó có danh mục được cấp phép hoạt động tương ứng với nội dung công việc trong hợp đồng được ký kết.

2. Đối với các dự án nằm trong dự án Xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai hoặc đã có bản đồ địa chính dạng số, Chủ đầu tư liên hệ với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai trên cùng địa bàn thực hiện chỉnh lý bản đồ địa chính để phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (kinh phí thực hiện theo quy định của Nhà nước), đồng thời làm cơ sở để thống nhất quản lý về hồ sơ địa chính.

3. Chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã, đơn vị thi công đo đạc tổ chức quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung đo đạc để nhân dân trong khu vực dự án biết và phối hợp thực hiện.

4. Chủ đầu tư sử dụng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, cơ quan chuyên môn thuộc quyền quản lý hoặc thành lập hội đồng tư vấn hoặc thuê tổ chức có chức năng tư vấn về địa chính, thuê chuyên gia để thực hiện kiểm tra, thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm địa chính và trực tiếp kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm địa chính được giao thực hiện; chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm được giao.

5. Quyết định giải quyết những thay đổi, vướng mắc về kỹ thuật, công nghệ trong quá trình thi công; những phát sinh, vướng mắc về định mức kinh tế - kỹ thuật khi thay đổi giải pháp kỹ thuật, công nghệ mà không làm tăng hoặc giảm giá trị dự toán quá năm phần trăm (5%) dự toán so với giá trị dự toán đã được phê duyệt; những phát sinh về khối lượng mà không làm tăng hoặc giảm quá năm phần trăm (5%) so với khối lượng đã được phê duyệt.

6. Quyết định đình chỉ thi công, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm đang thi công không đúng Dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt hoặc vi phạm nghiêm trọng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm, quy trình, quy định về kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và phải báo cáo cơ quan quyết định đầu tư.

7. Giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ trong quá trình thi công công trình, sản phẩm; kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm địa chính được giao thực hiện.

8. Thực hiện việc ký kết hợp đồng với đơn vị thi công đo đạc, sản phẩm hoàn thành phải được kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm đạt yêu cầu, đồng thời phải giải quyết những phát sinh, sai sót (nếu có) trong quá trình sử dụng sản phẩm cho đến khi hoàn thành công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để thực hiện công trình.

9. Khi thanh quyết toán khối lượng đo đạc địa chính phải căn cứ trên khối lượng thực tế thi công (diện tích đo vẽ, diện tích xác định ranh giới thửa đất, diện tích lập kết quả đo đạc địa chính thửa đất, diện tích đất giao thông, thủy lợi, sông, suối,...) và theo Định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành.

10. Giao nộp toàn bộ sản phẩm cho Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn để quản lý, theo dõi và thực hiện lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định.

Điều 26. Trách nhiệm của đơn vị thi công đo đạc

1. Đơn vị thi công chỉ hoạt động trong phạm vi các danh mục được cấp phép, nếu hoạt động đo đạc ngoài các danh mục được cấp phép sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ.

2. Trong quá trình tổ chức thi công, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan biết về kế hoạch đo đạc trên địa bàn để quản lý, theo dõi. Có trách nhiệm phối hợp với người dẫn đạc (là công chức địa chính cấp xã hoặc cán bộ thôn, tổ dân phố để được hỗ trợ, hướng dẫn việc xác định hiện trạng, ranh giới sử dụng đất), cùng với người sử dụng, quản lý đất liên quan tiến hành xác định ranh giới, mốc giới thửa đất trên thực địa; đồng thời, yêu cầu người sử dụng đất xuất trình các giấy tờ liên quan đến thửa đất (có thể cung cấp bản sao các giấy tờ đó không cần công chứng, chứng thực).

3. Sử dụng lực lượng chuyên môn, kỹ thuật trực thuộc hoặc thuê tư vấn có chức năng tư vấn về địa chính để thực hiện việc kiểm tra tiến độ thi công, kiểm tra, thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm địa chính; trực tiếp nghiệm thu chất lượng, khối lượng từng công đoạn, từng hạng mục và toàn bộ công trình, sản phẩm địa chính do đơn vị thực hiện.

4. Chịu sự giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu của chủ đầu tư, chịu sự giám sát, kiểm tra, thẩm định của cơ quan quyết định đầu tư, của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm địa chính.

5. Trường hợp có thay đổi về giải pháp kỹ thuật, công nghệ, thiết kế kỹ thuật định mức kinh tế - kỹ thuật, khối lượng công việc, tiến độ thi công so với Dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt thì phải báo cáo kịp thời bằng văn bản với chủ đầu tư và chỉ được thực hiện sau khi có trả lời bằng văn bản của chủ đầu tư hoặc cơ quan quyết định đầu tư.

6. Bảo đảm chất lượng, khối lượng, tiến độ thực hiện công trình, sản phẩm do đơn vị thi công; trường hợp công trình, sản phẩm chưa đạt chất lượng thì phải làm bù hoặc làm lại bằng kinh phí của đơn vị mình cho đến khi hoàn thành công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để thực hiện công trình; chịu trách nhiệm về toàn bộ khối lượng, chất lượng sản phẩm do đơn vị thực hiện.

7. Toàn bộ sản phẩm đo đạc bản đồ địa chính phải được lưu trữ theo quy định lưu trữ tài liệu của Nhà nước, không được huỷ bỏ các tài liệu cũ ngay cả trong trường hợp đã có tài liệu mới cập nhật, thay thế.

Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ trong xây dựng công trình xây dựng đo đạc

1. Trước khi xây dựng công trình xây dựng đo đạc phải giải quyết các thủ tục về sử dụng đất hoặc sử dụng công trình làm nơi đặt công trình xây dựng đo đạc theo quy định của pháp luật.

2. Sau khi công trình xây dựng đo đạc hoàn thành, đơn vị xây dựng công trình xây dựng đo đạc làm biên bản bàn giao dấu mốc đo đạc cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) với sự có mặt của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình nơi đặt dấu mốc đo đạc.

Điều 28. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc

1. Khi sử dụng công trình xây dựng đo đạc cần liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã để được chỉ dẫn. Trong quá trình sử dụng phải giữ gìn, bảo vệ, không làm hư hỏng dấu mốc đo đạc, sử dụng xong phải khôi phục lại tình trạng như ban đầu.

2. Không được làm hỏng, phá hủy, tự ý di chuyển hoặc cản trở việc khai thác, sử dụng công trình xây dựng đo đạc.

3. Thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã khi phát hiện công trình xây dựng đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại.

Điều 29. Trách nhiệm của chủ sử dụng đất và chủ sở hữu công trình nơi có công trình xây dựng đo đạc

1. Phải bảo vệ, không được làm hư hỏng, hủy hoại hoặc cản trở việc khai thác sử dụng công trình xây dựng đo đạc trong quá trình sử dụng đất và công trình.

2. Khi có công trình kiến trúc mới được xây dựng trên thửa đất liền kề làm ảnh hưởng đến việc khai thác sử dụng công trình xây dựng đo đạc thì phải thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã biết để có biện pháp duy trì, bảo vệ.

3. Trường hợp cải tạo, tu sửa hoặc xây dựng mới công trình có thể làm ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc thì chủ sử dụng đất có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để có biện pháp bảo vệ dấu mốc đo đạc.

4. Trường hợp phải di dời hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc có trên thửa đất hoặc gắn vào công trình kiến trúc thì chủ sử dụng đất phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để giải quyết. Việc di dời hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc chỉ

được thực hiện khi có sự đồng ý của cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc phân cấp tại Điều 5 của Thông tư số 49/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc.

5. Kinh phí di dời, khôi phục dấu mốc đo đạc do chủ đầu tư công trình, dự án chi trả.

6. Trường hợp tự ý hủy hoại công trình xây dựng đo đạc thì chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 30. Trách nhiệm và thời hạn giải quyết của cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc trong trường hợp phải di dời hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc

1. Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình xin di dời hoặc hủy bỏ công trình xây dựng đo đạc do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình biết.

2. Cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện việc di dời, khôi phục các công trình xây dựng đo đạc bị hư hỏng.

3. Trường hợp phải di dời dấu mốc đo đạc của các điểm đo đạc cơ sở quốc gia, Sở Tài nguyên và Môi trường lập phương án kỹ thuật - dự toán di dời. Phương án cần được gửi Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam thẩm định trước khi phê duyệt và thực hiện.

4. Kết quả hủy bỏ hoặc di dời công trình xây dựng đo đạc phải được cập nhật vào hồ sơ các tài liệu liên quan đến công trình xây dựng đo đạc lưu trữ tại cơ quan quản lý theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 49/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc.

5. Trường hợp sử dụng nguồn kinh phí được cấp hàng năm của địa phương để duy tu, bảo trì khôi phục hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia, Sở Tài nguyên và Môi trường phải gửi Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam thẩm định phương án kỹ thuật - dự toán di dời, khôi phục trước khi thực hiện.

Điều 31. Trích đo địa chính

1. Trích đo địa chính thửa đất được thực hiện ở các tỷ lệ 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 và 1:10000. Việc xác định tỷ lệ trích đo địa chính thửa đất được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính và được phép lựa chọn tỷ lệ bản đồ lớn hơn một bậc so với quy định cho phù hợp với quy mô diện tích thửa đất.

2. Trích đo địa chính thửa đất được thực hiện trong hệ tọa độ quốc gia VN-2000, kinh tuyến trục $108^{\circ} 15'$ múi chiếu 3⁰.

3. Khi trích đo địa chính thửa đất phục vụ cấp Giấy chứng nhận phải đồng thời lập Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 kèm theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.

4. Mảnh trích đo địa chính biên tập ở dạng hình vuông hoặc hình chữ nhật để thể hiện thửa đất trích đo. Khung và trình bày khung mảnh trích đo địa chính thực hiện theo mẫu quy định tại điểm 3 mục III của Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. Trường hợp trích đo địa chính phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận đơn lẻ, thường xuyên hàng năm thì khung và trình bày khung mảnh trích đo địa chính thực hiện theo mẫu quy định tại điểm 4 mục III của Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.

Mảnh trích đo địa chính được đánh số thứ tự mảnh bằng số Ả rập từ 01 đến hết trong một năm trong phạm vi đơn vị hành chính cấp xã.

5. Việc thực hiện trích đo và trình bày, chỉnh lý thửa đất trong mảnh trích đo thực hiện như đối với đối tượng là thửa đất trên bản đồ địa chính quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. Khi trích đo địa chính từ hai thửa đất trở lên trong cùng một thời điểm mà có thể thể hiện trong phạm vi của cùng một mảnh trích đo địa chính thì phải thể hiện trong một mảnh trích đo đó.

6. Mảnh trích đo địa chính dạng số có thể được xây dựng bằng nhiều phần mềm ứng dụng khác nhau nhưng tệp tin sản phẩm hoàn thành phải được chuyển về khuôn dạng file *.dgn. Ngoài ra, khi thực hiện trích đo địa chính trong hệ tọa độ quốc gia VN-2000 còn phải nhập đầy đủ các thông tin mô tả về dữ liệu (siêu dữ liệu, metadata) theo quy định kỹ thuật về chuẩn dữ liệu địa chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường kèm theo từng mảnh trích đo địa chính.

7. Mảnh trích đo địa chính dạng giấy được in trên khổ giấy từ A4 đến A0 tùy theo quy mô diện tích thửa đất trích đo và tỷ lệ trích đo để thể hiện được trọn vẹn thửa đất trích đo và đủ vị trí để trình bày khung theo quy định. Giấy in phải có định lượng 120g/m² trở lên, bằng máy chuyên dụng in bản đồ, chế độ in đạt độ phân giải tối thiểu 1200 x 600 dpi, mực in chất lượng cao, phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật máy.

8. Trước khi lập phương án thi công trích đo địa chính khu đất phục vụ việc lập hồ sơ thu hồi đất phải thực hiện giao nhận mốc giới khu đo tại thực địa và phù hợp với văn bản chấp thuận địa điểm của cơ quan có thẩm quyền hoặc thiết kế đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Đối với các thửa đất chỉ phải thu hồi một phần thửa (lý do thửa đất nằm cắt ngang đường ranh giới thu hồi) thì phải tiến hành đo trọn thửa đất để xác định phần diện tích bị thu hồi, phần diện tích còn lại không bị thu hồi phải được chủ sử dụng đất ký xác nhận. Đối với thửa đất có phần diện tích còn lại không bị thu hồi lớn hơn 01 (một) ha thì không phải đo trọn thửa đất, chỉ đo phần diện tích bị thu hồi.

Điều 32. Lập thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc bản đồ địa chính

1. Khi thực hiện đo đạc bản đồ địa chính phải lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý dự án, công trình trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Các thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc bản đồ địa chính phục vụ lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải nộp về Bộ Tài nguyên và Môi trường (Tổng cục Quản lý đất đai) kèm theo Quyết định phê duyệt để kiểm tra việc thực hiện và theo dõi, giám sát.

2. Phải lập báo cáo khảo sát trên cơ sở kết quả khảo sát, thu thập, phân tích, đánh giá các tư liệu, tài liệu có liên quan trước khi lập thiết kế kỹ thuật - dự toán.

3. Khi lập thiết kế kỹ thuật - dự toán nếu áp dụng chỉ tiêu kỹ thuật khác quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính thì phải báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và phải được Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận bằng văn bản mới được thi công.

4. Thiết kế kỹ thuật - dự toán bao gồm các nội dung chính sau:

- a) Sự cần thiết phải đo đạc lập bản đồ địa chính;
- b) Cơ sở pháp lý;
- c) Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;
- d) Đặc điểm tình hình tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng sử dụng đất của địa phương nơi thực hiện dự án, công trình đo đạc lập bản đồ địa chính;
- đ) Tình hình công tác đo đạc lập bản đồ địa chính của địa phương; hiện trạng và khả năng sử dụng tư liệu, tài liệu đo đạc, bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, bản đồ địa giới hành chính, các tư liệu ảnh và các loại tài liệu, bản đồ khác;
- e) Thực trạng nguồn nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật, năng lực thực hiện dự án, công trình đo đạc lập bản đồ địa chính của các đơn vị thuộc cơ quan quản lý đất đai của địa phương;
- g) Thiết kế và giải pháp kỹ thuật;
- h) Tổ chức thực hiện;
- i) Dự toán kinh phí;
- k) Đánh giá tính khả thi và rủi ro thực hiện dự án, công trình.

5. Trường hợp và trích đo địa chính thửa đất thì không phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhưng phải lập phương án thi công và được cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt.

Trường hợp trích đo địa chính thửa đất để thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận đối với các trường hợp đơn lẻ, thường xuyên hàng năm thì phải lập kế hoạch thực hiện hàng năm trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp trích đo địa chính thửa đất theo nhu cầu của người sử dụng đất không sử dụng ngân sách nhà nước thì thực hiện theo hợp đồng dịch vụ, không phải lập phương án thi công.

Nội dung chính của phương án thi công bao gồm:

- Căn cứ lập phương án;
- Tóm tắt mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;
- Tóm tắt giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện;
- Kinh phí thực hiện.

6. Đối với những nơi đã có bản đồ địa chính chính quy dạng số, việc lựa chọn đo mới hoặc chỉnh lý biến động cần phải lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận-Chi nhánh các huyện, thành phố về mức độ biến động đất đai trong phạm vi dự án.

Điều 33. Chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ

Cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ; tổ chức được cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ; Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định tại Thông tư số 46/2015/TT-BTNMT ngày 30/10/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 34. Điều khoản thi hành

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các Sở, Ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có văn bản của cấp trên ban hành làm cho nội dung trong Quy định này không còn phù hợp nữa hoặc có hướng dẫn về cùng nội dung thì áp dụng văn bản của cấp trên.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cấp, ngành, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vĩnh